

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2018/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 9 năm 2012;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 54/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quy định ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định 74/2017/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định 119/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2017 Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định các tiêu chí xác định và biện pháp đánh giá sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.

Danh mục các sản phẩm, thiết bị thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này được quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước.
2. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước là các sản phẩm, thiết bị có thiết kế công nghệ và cấu tạo trong quá trình sử dụng bắt buộc phải tiêu thụ một lượng nước nhất định để thực hiện một hoặc nhiều chức năng.

Chương II

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH VÀ BIỆN PHÁP ĐÁNH GIÁ

Điều 4. Tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm

1. Sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm là sản phẩm, thiết bị sử dụng nước đáp ứng tất cả các tiêu chí sau:

a) Có tính năng đảm bảo mục đích sử dụng của sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng cho sản phẩm;

b) Có những đặc điểm cấu tạo, vận hành để đảm bảo sử dụng nước hợp lý, hạn chế được tổn thất, lãng phí nước trong quá trình sử dụng;

c) Đáp ứng các yêu cầu về tính năng kỹ thuật và mức hiệu quả sử dụng nước được quy định cụ thể trong Bảng 1 dưới đây và trong các tiêu chuẩn quốc gia tương ứng do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

d) Có mức hiệu quả sử dụng nước tương ứng với sản phẩm, thiết bị, cấp mức hiệu quả sử dụng nước được quy định cụ thể trong Bảng 1 dưới đây và trong các tiêu chuẩn quốc gia tương ứng do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

2. Mức hiệu quả sử dụng nước của sản phẩm, thiết bị được chia thành ba cấp. Cấp 1 là cấp có hiệu quả sử dụng nước thấp nhất, cấp 3 có hiệu quả sử dụng nước cao nhất.

Bảng 1 - Tiêu chí đánh giá sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm

Sản phẩm, thiết bị	Mã HS tương ứng	Cấp hiệu quả sử dụng nước	Mức hiệu quả sử dụng nước	Phương pháp xác định
Vòi sen tắm		Cấp 1	$7,0 \text{ L/min} < f \leq 9,0 \text{ L/min}$	Theo TCVN hiện hành
		Cấp 2	$5,0 \text{ L/min} < f \leq 7,0 \text{ L/min}$	
		Cấp 3	$f \leq 5,0 \text{ L/min}$	
Vòi rửa		Cấp 1	$4,0 < f \leq 6,0 \text{ L/min}$	Theo TCVN hiện hành
		Cấp 2	$2,0 < f \leq 4,0 \text{ L/min}$	
		Cấp 3	$f \leq 2,0 \text{ L/min}$	
Bồn cầu		Cấp 1	xả hoàn toàn: $f_v \leq 6,0 \text{ L/lần xả}$ xả giảm: $f_v \leq 3,5 \text{ L/lần xả}$	Theo TCVN hiện hành
		Cấp 2	xả hoàn toàn: $f_v \leq 5,0 \text{ L/lần xả}$ xả giảm: $f_v \leq 3,0 \text{ L/lần xả}$	
		Cấp 3	xả hoàn toàn: $f_v \leq 4,0 \text{ L/lần xả}$ xả giảm: $f_v \leq 2,5 \text{ L/lần xả}$	
Máy giặt		Cấp 1	$12,0 \text{ L/kg} < E \leq 15,0 \text{ L/kg}$	Theo TCVN hiện hành
		Cấp 2	$9,0 \text{ L/kg} < E \leq 12,0 \text{ L/kg}$	
		Cấp 3	$E \leq 9,0 \text{ L/kg}$	

f là hiệu quả sử dụng nước của vòi (sen tắm, rửa), được tính bằng lượng nước cấp (lít, L) trong một phút (min).
 f_v là hiệu quả sử dụng nước của bồn cầu, được tính bằng thể tích nước xả (lít, L) trong một lần xả.
 E là hiệu quả sử dụng nước của máy giặt, được tính bằng lượng nước (lít, L) cần thiết để giặt một kilôgam (kg) vật liệu dệt theo quy định.

Điều 5. Đánh giá sản phẩm sử dụng nước tiết kiệm

1. Việc đánh giá sản phẩm sử dụng nước tiết kiệm theo đúng các tiêu chí quy định tại Điều 4 của Thông tư này được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của tổ chức, cá nhân và theo phương thức 1 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012.

2. Việc đánh giá sự phù hợp được thực hiện bởi các tổ chức chứng nhận (bên thứ ba) đã đăng ký hoạt động theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP và được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định.

3. Sản phẩm, thiết bị sau khi được đánh giá sự phù hợp sẽ được phép mang nhãn tiết kiệm nước theo quy định ở Điều 6 của Thông tư này.

Điều 6. Nhãn tiết kiệm nước

1. Hình thức, quy cách nhãn tiết kiệm nước quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

2. Nhãn tiết kiệm nước phải có các thông tin sau:

a) Số chứng nhận, được thể hiện dưới dạng mã số/mã vạch do tổ chức chứng nhận cấp. Số chứng nhận này phải thể hiện theo đúng quy định của mã số/mã vạch và phải cung cấp tối thiểu các thông tin sau:

- i) Tên và địa chỉ của tổ chức chứng nhận;
- ii) Thông tin về tổ chức/cá nhân được cấp nhãn tiết kiệm nước;
- iii) Thông tin về sản phẩm được dán nhãn tiết kiệm nước;

b) Cấp hiệu quả sử dụng nước của sản phẩm được thể hiện dưới dạng dấu sao. Cấp 1 ứng với một sao, cấp 2 ứng với hai sao và cấp 3 ứng với ba sao.

3. Nhãn tiết kiệm nước có thể được thay đổi kích thước, phóng to hoặc thu nhỏ, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ của nhãn, để phù hợp với sản phẩm, thiết bị nhưng không được gây nhầm lẫn, che lấp hoặc ảnh hưởng tới thông tin ghi trên nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật. Nhãn tiết kiệm nước được gắn trực tiếp trên sản phẩm, thiết bị hoặc trên bao bì, tài liệu hướng dẫn của sản phẩm, thiết bị.

4. Sản phẩm, thiết bị nhập khẩu đã được dán nhãn tiết kiệm nước của nước xuất khẩu có thỏa thuận song phương với Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) liên quan đến dán nhãn tiết kiệm nước sẽ được phép mang nhãn tiết kiệm nước theo quy định của Điều 6 mà không phải thực hiện việc đánh giá sự phù hợp nêu tại Điều 5 của Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Xây dựng/soát xét các tiêu chuẩn quốc gia về tiết kiệm nước cho sản phẩm, thiết bị cụ thể.
2. Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.
3. Chủ trì hoạt động thanh tra, kiểm tra trên thị trường.
4. Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu về các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá sự phù hợp

1. Cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về các sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm đã được cấp giấy chứng nhận.
2. Định kỳ báo cáo Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Duy trì các biện pháp đảm bảo sản phẩm, thiết bị đạt mức tiêu thụ nước như đã đăng ký.
2. Chấp hành thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Tuân thủ các nghĩa vụ sử dụng nhãn tiết kiệm nước.

Điều 10. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản được viện dẫn trong Thông tư này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định trong văn bản mới.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày tháng năm 20...
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, đề nghị tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu VT, TĐC.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục 1

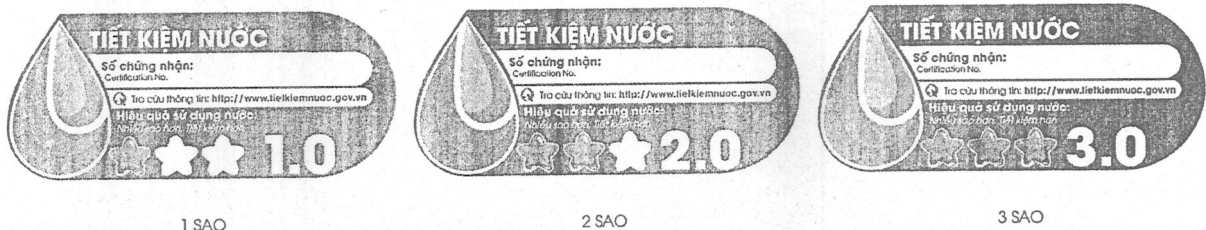
Mẫu nhãn tiết kiệm nước

(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BKHCN ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Nhãn tiết kiệm nước được hiển thị trên sản phẩm, thiết bị lưu thông trên thị trường nhằm cung cấp cho người tiêu dùng biết các thông tin về hiệu quả sử dụng nước của sản phẩm, thiết bị này so với các sản phẩm, thiết bị cùng loại khác trên thị trường, giúp người tiêu dùng lựa chọn được sản phẩm, thiết bị có mức hiệu quả sử dụng nước tốt hơn.

Mức hiệu quả sử dụng nước được chia thành ba cấp tương ứng với số sao in trên nhãn, từ một sao đến ba sao, nhãn ba sao là nhãn có hiệu quả sử dụng nước tốt nhất.

Hình ảnh nhãn tiết kiệm nước dưới đây tương ứng với ba cấp hiệu quả sử dụng nước theo quy định (thể hiện bằng số sao trên nhãn):



1 SAO

2 SAO

3 SAO

2. Màu sắc và kích thước của nhãn tiết kiệm nước được quy định cụ thể dưới đây:



2 SAO

Type face: UTM AVO

LIGHT CYAN 01
Giá trị màu:
CMYK 15 0 0 0

LIGHT CYAN 02
Giá trị màu:
CMYK 30 0 0 0

MEDIUM CYAN 01
Giá trị màu:
CMYK 50 0 0 0

MEDIUM CYAN 02
Giá trị màu:
CMYK 60 0 0 0

BLUE
Giá trị màu:
CMYK 70 20 0 0

DARK BLUE
Giá trị màu:
CMYK 100 50 0 0